

Trong tiếng Anh, có các đại từ nhân xưng sau đây:

**I** (tôi)- ngôi thứ 1 , số ít

**You** (bạn) -ngôi thứ 2, số ít- nhiều

**She** ( cô ấy) -ngôi thứ 3, số ít

**He** ( anh ấy) -ngôi thứ 3, số ít

**It** (nó ) -ngôi 3, số ít

**We** (chúng tôi)- ngôi thứ 1 , số nhiều

**They** (họ) -ngôi thứ 3, số nhiều

- *Người nói là ngôi thứ nhất*
- *Người nghe là ngôi thứ 2*
- *Người được nói tới là ngôi thứ 3.*

## 1.2. Công thức thì hiện tại đơn They.....(go) to the beach

| Loại câu   | Đối với động từ thường       | Đối với động từ “to be”      |
|------------|------------------------------|------------------------------|
| Khẳng định | S + V(s/es) + O              | S + be (am/is/are) + O       |
| Phủ định   | S + do not /does not + V_inf | S + be (am/is/are) + not + O |
| Nghi vấn   | Do/Does + S + V_inf?         | Am/is/are + S + O?           |

GHI CHÚ: ở thì hiện tại đơn, V khi dùng **với ngôi 3 số ít** phải thêm s/es

Thêm es: khi động từ kết thúc là: O, S, Z, CH, X, SH

Trong câu có do/does thì động từ phải ở nguyên mẫu

Vd: We ..go...(go) to school (-) We don't go to school/ (?) Do we go to school?

Vd2: She ..eats....(eat) dinner./ She doesn't eat dinner/ Does she eat dinner?

## Công thức thì hiện tại đơn- khẳng định

I/you/we/they + V<sub>0</sub>

He/she/it + V(thêm s/es)

## thì hiện tại đơn-phủ định

I/you/we/they + don't + V<sub>0</sub>

He/she/it + doesn't + V<sub>0</sub>

## thì hiện tại đơn- nghi vấn(hỏi)

Do + I/you/we/they + V<sub>0</sub> ?

Does + He/she/it + V<sub>0</sub> ?

## Thì hiện tại đơn

to be

I am

You are

He/she/it is

We are

They are

She ...is...(be) a student  
 **LIVEWORKSHEETS**

## DẤU HIỆU NHẬN BIẾT:

trong câu có các trạng từ:

Always: luôn luôn

Usually: thường hay

Often: thường

Sometimes: đôi khi

Never: không bao giờ

Every: mỗi (everyday/ every week/ every year)

Once : một lần/ twice: hai lần / three times: 3 lần

Once a week: một lần một tuần

Twice a week

Three times a week...

Rarely/seldom: hiếm khi